

Số: ~~641~~/BC-SCT

Quảng Trị, ngày ~~24~~ tháng 5 năm 2018

## BÁO CÁO

### TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP, THƯƠNG MẠI THÁNG 5 NĂM 2018

#### I. Tình hình sản xuất công nghiệp và kinh doanh thương mại

##### 1. Lĩnh vực sản xuất công nghiệp

###### 1.1. Chỉ số sản xuất công nghiệp:

Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) tháng 5/2018 tăng 4,4% so với tháng trước và tăng 8,12% so với tháng cùng kỳ năm trước. Trong đó: Ngành công nghiệp khai khoáng tăng 14,06%; ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 4,91%; ngành sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước, điều hòa không khí tăng 23,67%; ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 7,74% so với tháng cùng kỳ năm trước.

Tính chung 5 tháng đầu năm 2018, chỉ số sản xuất công nghiệp duy trì ở mức tăng trưởng ổn định so với cùng kỳ, nhưng vẫn thấp hơn mức tăng cùng kỳ năm trước; chỉ số sản xuất công nghiệp tăng 8,18% so với cùng kỳ năm trước, thấp hơn so với mức tăng cùng kỳ năm 2017 (+16,58%); Trong đó, ngành công nghiệp chế biến, chế tạo chỉ tăng 6,16%; ngành sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí tăng 14,83%; cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 9,99%; ngành công nghiệp khai khoáng tăng 17,2% so với cùng kỳ năm trước.

###### 1.2. Sản phẩm công nghiệp chủ yếu:

Một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu trong tháng 5/2018 duy trì được mức tăng trưởng khá so với tháng cùng kỳ năm trước như: Điện sản xuất tăng 53,73%; lốp xe các loại tăng 50,94%; quặng inmenit và tinh quặng inmenit tăng 42,17%; sắt xe các loại tăng 37,66%; quần áo may sẵn tăng 34,36%; quặng zircon và tinh quặng zircon tăng 28,04%; gỗ cưa, gỗ xẻ tăng 18,59%; nước hoa quả (tăng lực) tăng 11,07%; dăm gỗ tăng 10,9%; bia lon tăng 10%. Một số sản phẩm duy trì mức tăng ổn định như: Nước máy tăng 8,25%; điện thương phẩm tăng 5,63%; đá xây dựng tăng 0,12%. Bên cạnh đó, một số sản phẩm giảm như: Xi măng giảm 3,49%; gạch xây giảm 3,77%; ván ép giảm 7,79%; tấm lợp pro xi măng giảm 23,97%; phân hóa học giảm 29,21%; tinh bột sắn giảm 46,02% so với tháng cùng kỳ năm trước.

##### 2. Lĩnh vực thương mại

###### 2.1. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ

- Tháng 5/2018, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ ước đạt 2.322,65 tỷ đồng, tăng 2,61% so với tháng trước và tăng 9,08% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó:



- Tổng mức bán lẻ hàng hóa tháng 5/2018 ước đạt 1.973,1 tỷ đồng, tăng 2,85% so với tháng trước và tăng 9,09% so với tháng cùng kỳ năm trước. Tính chung 5 tháng đầu năm 2018, tổng mức bán lẻ hàng hóa ước đạt 9.619,58 tỷ đồng, tăng 10,7% so với cùng kỳ năm trước.

- Tổng doanh thu hoạt động dịch vụ tháng 5/2018 ước đạt 349,55 tỷ đồng, tăng 1,26% so với tháng trước và tăng 9,05% so với tháng cùng kỳ năm trước. Trong đó, dịch vụ lưu trú, ăn uống ước đạt 259,2 tỷ đồng, tăng 9,64%; lữ hành và hoạt động hỗ trợ du lịch ước đạt 3,8 tỷ đồng, tăng 8,94%; dịch vụ khác ước đạt 86,55 tỷ đồng, tăng 7,33% so với cùng kỳ năm trước.

Cộng dồn năm tháng đầu năm 2018, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ ước đạt 11.216,26 tỷ đồng, tăng 10,59% so với cùng kỳ năm trước.

Chỉ số giá tiêu dùng tháng 5/2018 tăng 0,02% so với tháng trước; tăng 0,93% so với tháng 12 năm trước và tăng 2,6% so với tháng cùng kỳ năm trước. Chỉ số giá tiêu dùng bình quân 5 tháng năm 2018 tăng 1,82% so với bình quân cùng kỳ năm trước.

## **II. Công tác quản lý nhà nước trên lĩnh vực công thương**

- Đánh giá kết quả, dự báo tình hình thực hiện các chỉ tiêu kinh tế - xã hội chủ yếu trong Nghị quyết Đại hội Đảng bộ lần thứ XVI; Báo cáo kết quả thực hiện Đề án tái cơ cấu ngành Công Thương; Thẩm định kế hoạch sử dụng đất năm 2018 của các huyện trên địa bàn.

- Hướng dẫn các quy định về an toàn thực phẩm đối với lĩnh vực sản xuất thực phẩm nhỏ lẻ thuộc trách nhiệm quản lý của ngành Công Thương; Ban hành Kế hoạch kiểm tra tình hình bảo quản, vận chuyển và sử dụng vật liệu nổ công nghiệp tại các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Hoàn chỉnh, trình UBND tỉnh hỗ trợ kinh phí khuyến công tỉnh đợt 1 năm 2018; Trình Bộ Công Thương xem xét hỗ trợ các đề án khuyến công quốc gia đợt 2 năm 2018; Trình UBND tỉnh thành lập Hội đồng, Tổ chuyên môn và xây dựng Kế hoạch tổ chức bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu tỉnh lần thứ 4, năm 2018.

- Báo cáo UBND tỉnh về tình hình phát triển cụm công nghiệp trên địa bàn; Trình UBND tỉnh đồng ý chủ trương về lập Đề án phát triển công nghiệp chế biến gỗ; Triển khai thu thập thông tin Năng lực sản xuất của một số sản phẩm công nghiệp.

- Chuẩn bị nội dung và tham mưu UBND tỉnh làm việc với Cục Điện lực-Bộ Công Thương về dự án nhà máy Nhiệt điện 1 và quy hoạch Nhiệt điện 2; Trình Bộ Công Thương phê duyệt bổ sung Dự án Nhà máy điện mặt trời vào Quy hoạch phát triển điện lực tỉnh đến năm 2020; Điều chỉnh hồ sơ bổ sung dự án nhà máy điện gió vào quy hoạch phát triển Điện lực và quy hoạch phát triển Điện gió tỉnh.

- Tổ chức họp bàn về thỏa thuận hướng tuyến đường dây 110kV đấu nối từ TBA 22/110kV nhà máy điện trời LIG-Quảng Trị đến Trạm biến áp 110kV Quán Ngang. Triển khai thực hiện Dự án Cấp điện nông thôn giai đoạn 2016 - 2020 - EU tài trợ; Khảo sát, nghiên cứu Dự án điện gió tại xã Hướng Sơn, huyện Hướng Hóa; Tiếp tục triển khai Dự án điện nông thôn từ lưới điện quốc gia tỉnh giai đoạn 2014 - 2020.



- Rà soát, tham mưu trình bổ sung điều chỉnh quy hoạch mạng lưới chợ trên địa bàn tỉnh đến năm 2020; Tổ chức lấy ý kiến đối với Dự thảo Quy định phân cấp và phối hợp quản lý chợ trên địa bàn tỉnh; Trình UBND tỉnh thành lập Ban chuyên đổi mô hình quản lý chợ. Đề xuất Bộ Công Thương, UBND tỉnh hỗ trợ kinh phí xây dựng mô hình chợ thí điểm bảo đảm an toàn thực phẩm;

- Đề xuất các Đề án phát triển thị trường trong nước gắn với cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam” năm 2019; Đề án, dự án, nhiệm vụ thực hiện Chương trình phát triển thương mại miền núi, vùng sâu, vùng xa và hải đảo giai đoạn 2015 – 2020.

- Đôn đốc các huyện tăng cường quản lý hoạt động bán hàng đa cấp; Triển khai chấn chỉnh hoạt động kinh doanh PLG chai; Tăng cường chống buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả trong lĩnh vực Y tế trên địa bàn tỉnh. Trình UBND tỉnh thành lập Đoàn kiểm tra liên ngành kiểm tra điều kiện kinh doanh xăng dầu và Gas năm 2018.

- Hoàn thành công tác tham mưu UBND tỉnh đề xuất Bộ Chính trị, Chính phủ hai nước Việt Nam - Lào thực hiện thí điểm một số cơ chế, chính sách vượt trội tại Khu kinh tế thương mại đặc biệt Lao Bảo và Khu Thương mại biên giới Đen Sa Vãn; Làm việc với Đoàn công tác liên Bộ Công Thương 2 nước Việt Nam – Lào về thương mại biên giới và phát triển kinh tế cửa khẩu.

- Xây dựng Kế hoạch triển khai Kế hoạch hành động của UBND tỉnh thực hiện Nghị định số 11-NQ/TW ngày 03/6/2017 của BCH TW Đảng khóa XII về hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; Kế hoạch triển khai kế hoạch hành động của UBND tỉnh thực hiện Nghị quyết số 05/NQ-TU ngày 31/10/2017 của Tỉnh ủy Quảng Trị về tiếp tục đẩy mạnh Hội nhập kinh tế quốc tế gắn với thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 05/11/2016 của BCH Trung ương Đảng khóa XII.

- Trình UBND tỉnh thành lập Ban Tổ chức Hội chợ Công Thương khu vực miền Trung - Tây Nguyên - Nhịp cầu Xuyên Á - Quảng Trị 2018; Thành lập Ban tổ chức Phiên chợ đưa hàng Việt về miền núi tại các xã huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị năm 2018. Triển khai thực hiện xây dựng website thương mại điện tử cho các doanh nghiệp, đơn vị; Tổ chức lấy ý kiến Dự thảo Kế hoạch tổ chức Hội nghị kết nối cung cầu tiêu thụ sản phẩm nông lâm thủy hải sản tỉnh năm 2018; Trình Sở Tài chính thẩm định giá các hạng mục điểm trưng bày và quảng bá sản phẩm đặc trưng của tỉnh.

- Báo cáo đánh giá tình hình thực hiện công tác phòng chống tham nhũng năm 2017; Trả lời ý kiến, kiến nghị của cử tri trước kỳ họp thứ 5, QH Khóa XIV.

- Tổ chức các hoạt động kỷ niệm 67 năm ngày truyền thống ngành Công Thương (14/5/2018) và 10 năm hợp nhất Sở; Tổ chức làm việc tình nguyện sáng Thứ bảy để giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở.

- Triển khai tự kiểm tra, rà soát về thực hiện công tác cán bộ giai đoạn 2012-2018; Tiếp tục lấy ý kiến tham gia của các phòng, đơn vị thuộc Sở và các địa phương về quy định tiêu chuẩn đối với chức danh cấp trưởng, cấp phó phòng chuyên môn và tương đương thuộc Sở, đơn vị trực thuộc; Cấp trưởng, cấp phó phòng Kinh tế/Kinh tế -Hạ tầng thuộc UBND cấp huyện.



- Tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện các kết luận, chỉ đạo của Thường trực, Ban thường vụ Tỉnh ủy năm 2017; Tổng hợp đề xuất nội dung theo Chương trình hành động của UBND tỉnh tại Quyết định số 111/QĐ-UBND ngày 22/01/2018 của UBND tỉnh.

- Hoàn thiện hồ sơ quyết toán các dự án, quy hoạch (Hồ sơ đã nộp Sở Tài chính). Làm việc với Sở Tài chính để nhập dự toán dự án điện nông thôn; Hoàn thiện hồ sơ quyết toán (APEC; Đề án xuất nhập khẩu hàng hóa; Sự cố hóa chất môi trường) và dự án quy hoạch thuộc nguồn vốn nhà nước.

#### **IV. Một số công tác trọng tâm tháng 6 năm 2018**

- Đôn đốc thực hiện các nội dung “Cam kết trách nhiệm của Tập thể lãnh đạo và người đứng đầu Sở Công Thương với Ban Thường vụ Tỉnh ủy”; Hoàn thiện, tổ chức ký kết Chương trình phối hợp giữa Sở Công Thương và Hiệp hội Doanh nghiệp về chỉ số dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp 2018. Tham mưu triển khai các nhiệm vụ Đề án tái cơ cấu ngành Công Thương phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa – hiện đại hóa và phát triển bền vững đến năm 2020.

- Tiếp tục hỗ trợ các nhà đầu tư hoàn thiện thủ tục đầu tư dự án Nhà máy nhiệt điện Quảng Trị 1. Tham gia Tổ đàm phán hợp đồng thuê đất nhà máy nhiệt điện BOT Quảng Trị. Triển khai xây dựng phần mềm quản lý cơ sở dữ liệu Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất tỉnh; Tổ chức Đoàn kiểm tra liên ngành kiểm tra tình hình bảo quản, vận chuyển và sử dụng vật liệu nổ công nghiệp tại các đơn vị, doanh nghiệp trên địa bàn.

- Triển khai Quy chế phối hợp quản lý nhà nước đối với cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh sau khi được UBND tỉnh phê duyệt; Tham mưu tổ chức bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp tỉnh lần thứ 4, năm 2018.

- Xây dựng Đề án phát triển công nghiệp chế biến gỗ trên địa bàn đến năm 2025; Tổng hợp, thu thập số liệu điều tra năng lực sản xuất của các doanh nghiệp tỉnh theo yêu cầu của Bộ Công Thương.

- Tiếp tục kêu gọi thu hút đầu tư và đôn đốc đẩy nhanh tiến độ triển khai các dự án phát triển năng lượng tái tạo (điện gió, điện mặt trời, thủy điện nhỏ) trên địa bàn tỉnh; Đôn đốc đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân Dự án cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2014-2020.

- Hoàn chỉnh Kế hoạch tổ chức thực hiện Nghị quyết số 103/NQ-CP ngày 06/10/2017 của Chính phủ và Chương trình hành động số 83-CTHĐ/TU ngày 25/7/2017 của Tỉnh ủy Quảng Trị về phát triển Du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn. Xây dựng Kế hoạch chuyên đổi mô hình quản lý chợ trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2018-2020.

- Ban hành Kế hoạch tổ chức Diễn đàn xúc tiến thương mại về hàng nông sản của tỉnh theo chuỗi liên kết sản phẩm; Kế hoạch khảo sát lựa chọn vị trí tổ chức điểm trưng bày và giới thiệu các sản phẩm đặc trưng tại các điểm di tích, danh thắng, du lịch... trên địa bàn tỉnh năm 2018.

- Tiếp tục chuẩn bị công tác tổ chức Hội chợ Công Thương khu vực miền Trung – Tây Nguyên – Nhịp cầu Xuyên Á- Quảng Trị 2018 (từ 24/7 – 30/7 năm 2018). Triển khai thực hiện Kế hoạch phát triển thương mại điện tử; Chương trình



xúc tiến thương mại tỉnh năm 2018 theo Quyết định số 433/QĐ-UBND ngày 01/3/2018 của UBND tỉnh. Công bố và triển khai Đề án xuất khẩu hàng hóa tỉnh, Đề án logistics; cung cấp thông tin tại cổng xnkquangtri.ekip.info.

- Chuẩn bị nội dung báo cáo phục vụ Hội nghị sơ kết 6 tháng đầu năm và triển khai nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2018 của ngành Công Thương. Hoàn chỉnh trình UBND tỉnh phê duyệt Quy định tiêu chuẩn đối với chức danh cấp trưởng, cấp phó phòng chuyên môn và tương đương thuộc Sở, đơn vị trực thuộc; Cấp trưởng, cấp phó phòng Kinh tế/Kinh tế -Hạ tầng thuộc UBND cấp huyện.

- Tiếp tục triển khai các nhiệm vụ công tác cải cách hành chính và đề xuất biện pháp nâng cao chỉ số PAPI của Sở năm 2018. Đánh giá tình hình thực hiện và đề xuất giải pháp triển khai Phần mềm “một cửa điện tử” tại Sở; Phối hợp tổ chức cung ứng dịch vụ công mức độ cao của Sở.

Trên đây là nội dung báo cáo tình hình công nghiệp, thương mại và công tác quản lý nhà nước của Sở trong tháng 5 năm 2018 và triển khai một số nhiệm vụ trọng tâm trong tháng 6 năm 2018; Sở Công Thương Quảng Trị báo cáo Bộ Công Thương, UBND tỉnh./.

**Nơi nhận:**

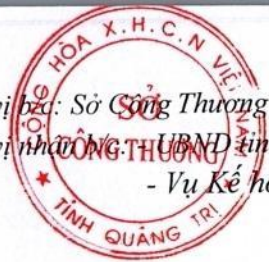
- Văn phòng Bộ Công Thương;
- Cục CNĐP, Vụ KH-BCT;
- VP Tỉnh uỷ; VP HĐND tỉnh; VP UBND tỉnh (2b);
- Sở KH & ĐT, Cục Thống kê;
- GD, các PGD Sở;
- Các Phòng thuộc Sở, TTKC, Chi cục QLTT;
- Lưu: VT, VP. *yr*



**Nguyễn Hữu Hưng**



Đơn vị ban: Sở Công Thương tỉnh Quảng Trị  
 Đơn vị nhận: UBND tỉnh Quảng Trị;  
 - Vụ Kế hoạch (BCT)



Biểu số 01/SCT-BCT  
 Ngày nhận b/c: Ngày 22 hàng tháng

**BÁO CÁO THỐNG KÊ CÔNG NGHIỆP - THƯƠNG MẠI**  
**Tháng 5 và 5 tháng năm 2018**

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm báo cáo			Năm trước		Tỷ lệ (%)		
			Thực hiện tháng trước	Ước tính tháng báo cáo	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối tháng báo cáo	Thực hiện tháng báo cáo	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối tháng báo cáo	So với thực hiện tháng trước	So với thực hiện cùng kỳ năm trước	So với cộng dồn cùng kỳ năm trước
A	B	C	1	2	3	4	5	6=2/1	7=2/4	8=3/5
<b>I</b>	<b>Sản lượng một số SP công nghiệp chủ yếu</b>	<b>Sản phẩm</b>								
1	Quặng inmenit và tinh quặng inmenit	Tấn	338	354	2449	249	2579	104,73%	142,17%	94,96%
2	Quặng zircon và tinh quặng zircon	Tấn	366,00	379	2130	296	1615	103,55%	128,04%	131,89%
3	Đá xây dựng	M3	89554	89162	313062	89054	294145	99,56%	100,12%	106,43%
4	Tinh bột sắn	Tấn	8580	5894	39630	10919	48120	68,69%	53,98%	82,36%
5	Bia lon	1000 lít	2161	2200	7703	2000	8012	101,81%	110,00%	96,14%
6	Nước hoa quả, tăng lực	1000 lít	1036	1200	5586	1080	4972	115,83%	111,07%	112,34%
7	Quần áo may sẵn	1000 cái	682,00	657	3247	489	2625	96,33%	134,36%	123,70%
8	Gỗ cưa, gỗ xẻ	M3	6196	6404	35432	5400	33521	103,36%	118,59%	105,70%
9	Dăm gỗ	Tấn	21057	21907	107843	19753	118603	104,04%	110,90%	90,93%
10	Ván ép	M3	17713	18600	88746	20171	83946	105,01%	92,21%	105,72%
11	Dầu nhựa thông	Tấn	66	80	361	138	488	121,21%	57,97%	73,98%
12	Colophan và axit nhựa cây	Tấn	426	470	2041	679	2445	110,33%	69,22%	83,48%
13	Phân hoá học (NPK)	Tấn	3530	5000	19612	7063	21248	141,64%	70,79%	92,30%
14	Lốp xe các loại	1000 cái	221	230	1087	152	732	104,01%	150,94%	148,44%
15	Săm xe các loại	1000 cái	441	445	2338	323	1609	100,81%	137,66%	145,31%
16	Gạch xây	1000 viên	12885	13949	57908	14496	59853	108,26%	96,23%	96,75%
17	Tấm lợp pro xi măng	1000 m2	338	351	1458	462	2067	103,93%	76,03%	70,55%
18	Xi măng	Tấn	36488	31000	135060	32120	135358	84,96%	96,51%	99,78%
19	Điện sản xuất	Triệu KWh	52	56	228	37	182	108,21%	153,73%	125,63%



TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm báo cáo			Năm trước		Tỷ lệ (%)		
			Thực hiện tháng trước	Ước tính tháng báo cáo	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối tháng báo cáo	Thực hiện tháng báo cáo	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối tháng báo cáo	So với thực hiện tháng trước	So với thực hiện cùng kỳ năm trước	So với cộng dồn cùng kỳ năm trước
A	B	C	1	2	3	4	5	6=2/1	7=2/4	8=3/5
20	Điện thương phẩm	Triệu KWh	47	50	231	47	216	106,22%	105,63%	107,06%
21	Nước máy	1000 m <sup>3</sup>	989	1150	5216	1062	4730	116,29%	108,25%	110,26%
<b>II</b>	<b>Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu hoạt động dịch vụ</b>	<b>Tỷ đồng</b>	<b>2263,67</b>	<b>2322,65</b>	<b>11216,26</b>	<b>2129,22</b>	<b>10141,93</b>	<b>102,61%</b>	<b>109,08%</b>	<b>110,59%</b>
<b>1</b>	<b>Doanh thu bán lẻ hàng hóa</b>	<b>Tỷ đồng</b>	<b>1918,46</b>	<b>1973,10</b>	<b>9619,58</b>	<b>1808,69</b>	<b>8689,75</b>	<b>102,85%</b>	<b>109,09%</b>	<b>110,70%</b>
	<b>Phân theo loại hình kinh tế</b>	<b>Tỷ đồng</b>								
1,1	Kinh tế Nhà nước	"	214,95	220,44	1029,91	202,03	930,19	102,55%	109,11%	110,72%
1,2	Kinh tế Tập thể	"	0,00	0,00	0,00	-	-	-	-	-
1,3	Kinh tế Cá thể	"	1114,12	1132,78	5625,94	1042,31	5101,51	101,67%	108,68%	110,28%
1,4	Kinh tế Tư nhân	"	589,39	619,88	2963,73	564,35	2658,05	105,17%	109,84%	111,50%
1,5	Kinh tế có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài	"	-	-	-	-	-	-	-	-
<b>2</b>	<b>Tổng doanh thu hoạt động dịch vụ</b>		<b>345,21</b>	<b>349,55</b>	<b>1596,68</b>	<b>320,53</b>	<b>1452,17</b>	<b>101,26%</b>	<b>109,05%</b>	<b>109,95%</b>
<b>2,1</b>	<b>Doanh thu hoạt động dịch vụ (Lưu trú, ăn uống, lữ hành và hoạt động hỗ trợ du lịch)</b>	<b>Tỷ đồng</b>	<b>259,37</b>	<b>263,00</b>	<b>1161,09</b>	<b>239,89</b>	<b>1052,84</b>	<b>101,40%</b>	<b>109,63%</b>	<b>110,28%</b>
	Dịch vụ lưu trú và ăn uống		255,69	259,20	1147,33	236,41	1040,44	101,37%	109,64%	110,27%
	Dịch vụ lữ hành và hoạt động hỗ trợ du lịch	"	3,69	3,80	13,76	3,48	12,40	102,97%	108,94%	110,97%
<b>2,2</b>	<b>Doanh thu hoạt động dịch vụ khác</b>	<b>"</b>	<b>85,84</b>	<b>86,55</b>	<b>435,59</b>	<b>80,64</b>	<b>399,33</b>	<b>100,83%</b>	<b>107,33%</b>	<b>109,08%</b>



**CHỈ SỐ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP**  
**Tháng 5 và 5 tháng năm 2018**

Đơn vị: %

Tên ngành	Chính thức tháng 4/2018		Dự ước tháng 5/2018			Chỉ số cộng dồn từ đầu năm đến cuối tháng 5/2018 so với tháng 5/2017
	So với tháng bình quân năm 2015	So với tháng cùng kỳ năm trước	So với tháng bình quân năm 2015	So với tháng trước	So với tháng cùng kỳ năm trước	
A	1	2	3	4	5	6
<b>Toàn ngành</b>	<b>137,16</b>	<b>106,71</b>	<b>143,19</b>	<b>104,40</b>	<b>108,12</b>	<b>108,18</b>
1. Công nghiệp khai khoáng	93,86	117,97	97,98	104,38	114,06	117,20
2. Công nghiệp chế biến, chế tạo	145,53	103,30	150,55	103,45	104,91	106,16
3. Sản xuất, phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí	134,73	122,57	145,21	107,78	123,67	114,83
4. Cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải	98,30	102,36	111,79	113,73	107,74	109,99